TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 06 - 7 - 2023
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN DÂN NHÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua.

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2022/TLST - DS, ngày 26 tháng 12 năm 2022, vụ án "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 4 năm 2023; Thông báo hoãn phiên toà số 83/2023/TB-TA ngày 24 tháng 5 năm 2023; và Quyết định hoãn phiên toà số 117/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Lương Thế V, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Tuyết M; nơi cư trú: Ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 12/12/2022; có mặt)

Bị đơn:

1. Bà Trương Thị Thu L, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Lương Thế V (do bà Phạm Thị Tuyết M đại diện) trình bày: Vào ngày 07/02/2022, giữa nguyên đơn với bị đơn là bà Trương Thị Thu L thoả thuận, ký kết một biên nhận nợ, theo thoả thuận anh V cho bà L vay số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), lãi suất thoả thuận 4%/tháng, thời hạn thanh toán hứa vài tháng, việc giao nhận tiền vay có làm biên nhận vay tiền đề ngày 07/02/2022; trong quá trình vay bà L có đóng lãi được tổng cộng 60.000.000đ nên được trừ ra, sau đó thì không đóng lãi, cũng không trả vốn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền vay và lãi suất tổng cộng 523.500.000đ (Năm trăm hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) và lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 08/02/2022 đến ngày giải quyết xong vụ án.

Tại văn bản ngày 28/6/2023, bị đơn bà Trương Thị Thu L (không có yêu cầu phản tố) trình bày: Vào ngày 07/02/2022 bà L thừa nhận có vay của anh Lê Lương Thế V số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), lãi suất thoả thuận 20.000.000đ/tháng, không thoả thuận thời hạn thanh toán. Trong quá trình vay bà L có đóng lãi được 03 tháng là 60.000.000đ; sau đó có chuyển khoản trả lãi cho anh V thêm số tiền 20.000.000đ; đến ngày 26/02/2023 bà L trả nợ gốc cho anh V số tiền 30.000.000đ. Do đó, việc anh V yêu cầu trả số tiền vốn là 500.000.000đ thì bà L không đồng ý vì đã trả được nợ vốn là 30.000.000đ, hiện chỉ còn nợ vốn 470.000.000đ nên bà L đồng ý trả nợ vốn; anh V yêu cầu trả lãi thì bà L không đồng ý vì không còn khả năng; trường hợp phải trả lãi thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; việc anh V yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ (chồng bà L) cùng trả nợ thì bà L không đồng ý vì khoản vay này bà L tự vay rồi cho người khác vay lại, ông Đ không biết việc này và cũng không có ký nhận nợ với anh V.

Tại văn bản ngày 24/5/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ (không có yêu cầu phản tố) trình bày: Ông là chồng của bà Trương Thị Thu L, ông Đ không biết gì về khoản vay giữa anh Lê Lương Thế V với bà L; việc anh V khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền cho anh V là không có cơ sở. Do đó, ông Đ đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V đối với ông Đ.

Vấn đề các đương sự thỏa thuận được: Vào ngày 07/02/2022 anh V cho bà L vay số tiền là 500.000.000đ; số tiền đã đóng lãi hai lần tổng cộng là 80.000.000đ (trong đó ngày 08/8/2022 trả 20.000.000đ), đến ngày 26/02/2023 bà L trả vốn được 30.000.000đ; số tiền nợ vốn còn lại là 470.000.000đ.

Vấn đề các đương sự không thỏa thuận được: Về lãi suất; ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý trả nợ vì không có vay, bà L khẳng định ông Đ không liên quan đến khoản vay này nên bà L tự chịu trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn còn lại là 470.000.000đ và lãi suất; đương sự phải chịu án phí theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng

[2] Về thẩm quyền theo vụ việc: Vào năm 2022, giữa nguyên đơn với bị đơn có thoả thuận, ký kết một biên nhận nợ, trong quá trình thực hiện đã phát sinh tranh chấp, nên nguyên đơn khởi kiện. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý theo quan hệ "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn bà Trương Thị Thu L có địa chỉ cư trú tại ấp 01, xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[4] Về xét xử vắng mặt: Vào ngày 28/6/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và các phiên toà các cấp. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[5] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch giữa các bên được xác lập vào năm 2022. Do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[6] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền 500.000.000đ và lãi suất 1,67%/tháng, tính lãi từ ngày 07/02/2022 cho đến ngày

xét xử. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là "Biên nhận vay tiền" đề ngày 7/2/2022, thể hiện nội dung: "*Tôi tên Trương Thị Thu L, địa chỉ: ấp I, xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang. Vào ngày 7 tháng 2 năm 2022. Tôi có vay tiền của Lê Lương Thế V, ấp 1, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thuỷ..., có vay tiền là năm trăm triệu đồng (500.000.000đ), lãi suất hai bên thoả thuận và đóng lãi hàng tháng"*, bên dưới biên nhận vay tiền là chữ ký và ghi rõ họ tên của bà Trương Thị Thu L. Tại văn bản ngày 28/6/2023 và tại phiên toà, bà Trương Thị Thu L thừa nhận vào ngày 07/02/2022 có vay của anh V số tiền là 500.000.000đ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của anh V là có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về lãi suất, theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu về lãi suất 1,67%/tháng. Theo biên nhận vay tiền nêu trên, các bên có thoả thuận lãi suất (đóng lãi hàng tháng) nhưng không thoả thuận rõ mức lãi suất là bao nhiêu; tại phiên toà bị đơn bà L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, coi như các bên có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất được giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Do đó, mức lãi suất (20%/năm : 2) = 0,833%/tháng, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,67%/tháng là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Trong quá trình vay, nguyên đơn thừa nhận bị đơn có đóng lãi được 03 lần (tương ứng với 03 tháng) là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Việc đóng lãi này mặc dù bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, nhưng được nguyên đơn thừa nhận là có lợi cho bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn không phải chứng minh. Do đó, số tiền bị đơn đã đóng lãi được 60.000.000đ, số tiền này được trừ vào số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

[8.1] Thời gian từ ngày 07/02/2022 đến ngày 07/5/2022 là 03 tháng; nợ vốn (500.00.000đ x 0,833%/tháng) x 03 tháng = 12.495.000đ tiền lãi. Số tiền lãi đã đóng là 60.000.000đ - 12.495.000đ = 47.505.000đ; đây là số tiền lãi đóng trong 03 tháng đầu dư nên được trừ vào nợ gốc chưa thanh toán (500.000.000đ - 47.505.000đ) = 452.495.000đ, đây là số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

[8.2] Đến ngày 08/8/2022 bà L tiếp tục đóng lãi cho anh V số tiền là 20.000.000đ. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán 452.495.000đ được tiếp tục tính lãi từ ngày 08/5/2022 đến ngày 08/8/2022 thời gian là 03 tháng; do đó, nợ vốn là (452.495.000đ x 0,833%/tháng) x 03 tháng = 11.307.850đ tiền lãi. Số tiền bà L đã đóng lãi là 20.000.000đ - 11.307.850đ (số tiền lãi phải trả) = 8.692.150đ; số

tiền bà L đóng lãi dư 8.692.150đ được tiếp tục trừ vào nợ gốc chưa thanh toán như sau: 452.495.000đ - 8.692.150đ = 443.802.850đ.

[8.3] Đến ngày 26/02/2023 bà L trả vốn cho anh V số tiền 30.000.000đ. Do đó, thời gian từ ngày 09/8/2022 đến ngày 26/02/2023 là 06 tháng 17 ngày, vốn (443.802.850đ x 0,833%/tháng) x 6 tháng 17 ngày = **24.276.162đ**, đây là số tiền lãi bà L chưa thanh toán cho anh V.

[8.4] Đến ngày 26/02/2023 bà L trả nợ vốn cho anh V 30.000.000đ. Nợ vốn còn lại là 443.802.850đ - 30.000.000đ = 413.802.850đ, số tiền này được tiếp tục tính lãi từ ngày 26/02/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 06/7/2023, thời gian là 04 tháng (tính tròn). Do đó, nợ vốn (413.802.850đ x 0,833%/tháng) x 04 = **13.787.910đ** tiền lãi, đây là số tiền lãi bà L tiếp tục trả cho anh V.

[9] Tổng số tiền lãi ở mục [9.3] và [9.4] là 24.276.162đ + 13.787.910đ = 38.064.072đ. Như vậy, tổng số tiền vốn lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là 451.866.922đ (trong đó vốn chưa thanh toán 413.802.850đ).

[10] Về trách nhiệm trả nợ: Anh V khởi kiện yêu cầu bà L và ông Đ cùng trả nợ số tiền vốn lãi. Tại văn bản ngày 24/5/2023, ông Đ khai không biết về khoản nợ này nên ông Đ không đồng ý trả nợ. Theo "Biên nhận vay tiền" đề ngày 7/2/2022 chỉ có bà L ký tên, mà không có ông Đ ký tên; anh V cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc ông Đ ký nhận vay số tiền 500.000.000đ; về phía bà L cũng không đồng ý vì khoản vay này bà L tự vay rồi cho người khác vay lại, ông Đ không biết việc này và cũng không có ký nhận nợ với anh V; do đó, không đủ căn cứ để xác định đây là khoản nợ chung của ông Đ với bà L. Bởi lẽ, bà L vay nhưng không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, mà bà L vay xong cho người khác vay lại, nên không có căn cứ để buộc ông Đ phải trả nợ.

[11] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà L khai sau khi vay của anh V thì bà L cho người khác vay lại; trường hợp có tranh chấp, yêu cầu thì bà L có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[12] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 523.500.000đ, được chấp nhận một phần với số tiền 451.866.922đ. Do đó, các bên đương sự phải chịu án phí tương ứng. Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[13] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Áp dụng: Các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 5, Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao: Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm**.**

3. Tuyên xử:

3.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Lương Thế V (do bà Phạm Thị Tuyết M đại diện), đối với bị đơn bà Trương Thị Thu L về việc yêu cầu trả số tiền 500.000.000đ và lãi suất.

3.2. Buộc bà Trương Thị Thu L có nghĩa vụ trả cho anh Lê Lương Thế V số tiền vốn lãi tổng cộng là: 451.866.922đ (Bốn trăm năm mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi hai đồng; trong đó vốn chưa thanh toán: 413.802.850đ, lãi: 38.064.072đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.3. Không chấp nhận việc anh Lê Lương Thế V (do bà Phạm Thị Tuyết M đại diện) về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Trương Thị Thu L, vì không có căn cứ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc bà Trương Thị Thu L phải chịu án phí số tiền là: 22.074.676đ (Hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

4.2. Anh Lê Lương Thế V phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận 3.581.653đ (Ba triệu năm trăm tám mươi mốt ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng). Anh V được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.470.000đ (Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng), theo biên lai thu số 0003165

ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang, anh V còn được nhận lại 8.888.347đ (Tám triệu tám trăm tám mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hậu Giang;
- Viện kiểm sát huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);